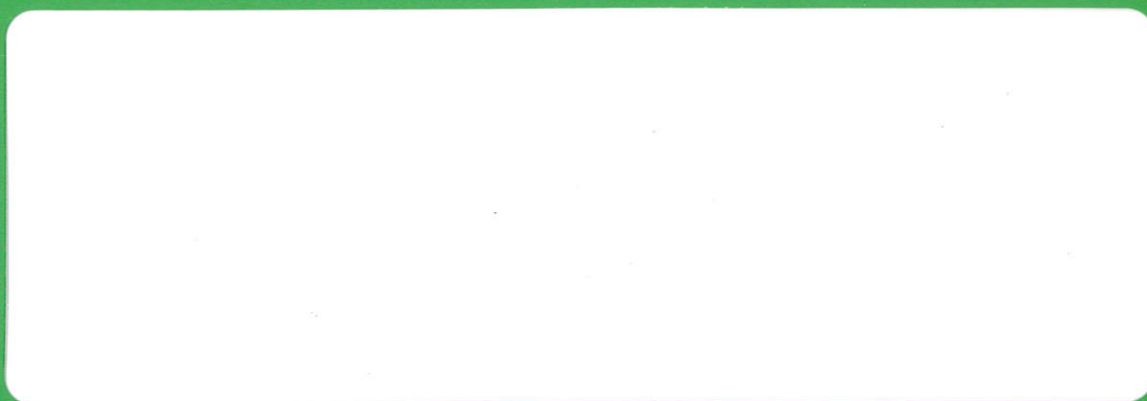


CPA - SaiGon



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN. SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Đoàn Giỏi, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028. 62 655 120 Hotline: 0966 981 027
Email: kiemtoansaigon.cn@gmail.com
MST: 0100832241-011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Được lập bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN SÀI GÒN

58 đường Đoàn Giỏi, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 02862 655 120 Hotline: 0966 981 027

Email: kiemtoansaigon.cn@gmail.com

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 03
Báo cáo soát xét	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	09 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	10 - 27
<u>Các Phụ lục</u>	
Phụ lục 01 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	28
Phụ lục 02 - Vay và nợ vay tài chính	29
Phụ lục 03 - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public

Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public ("Công ty") là một Công ty Cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010 và thay đổi lần thứ 13 ngày 24 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 120.999.920.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 120.999.920.000 VND tương đương 12.099.992 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
- Bán buôn sản phẩm nông nghiệp

Công ty có trụ sở tại: Số 705 đường Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh.

Hội đồng quản trị - Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này:

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Võ Trần Thanh Phương	Ủy viên
Ông Võ Thuận Hòa	Ủy viên - Miễn nhiệm ngày 06/07/2020
Bà Nguyễn Thị Thảo Nhi	Ủy viên - Miễn nhiệm ngày 06/07/2020
Ông Đinh Văn Anh Tuấn	Ủy viên - Bổ nhiệm ngày 06/07/2020
Ông Phạm Mai Anh Tài	Ủy viên - Bổ nhiệm ngày 06/07/2020

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Văn Thắng	Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 06/07/2020
Ông Đinh Văn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 06/07/2020
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 18/01/2020
Ông Võ Thuận Hòa	Phó Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 06/07/2020
Bà Trần Thị Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 06/07/2020

Hội đồng quản trị - Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này (tiếp theo):

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Thái Bình	Trưởng ban - Miễn nhiệm ngày 06/07/2020
Ông Nguyễn Đăng Lê Trung	Trưởng ban - Bổ nhiệm ngày 06/07/2020
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 06/07/2020
Ông Phan Đình Phúc Vinh	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 06/07/2020
Ông Lê Hoàng Hiệp	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 06/07/2020
Bà Lê Thị Bích Ngọc	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 06/07/2020

Người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là

Nguyễn Tuấn Thành	
Võ Văn Thắng	Miễn nhiệm ngày 06/07/2020
Đình Văn Anh Tuấn	Bổ nhiệm ngày 06/07/2020

Công ty Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Sài Gòn (CPA - SAIGON)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

**CÔNG TY CP MINH KHANG CAPITAL
TRADING PUBLIC**

Số 705 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình
Trưng Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020
đến ngày 30/06/2020

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2020

Đại diện

CÔNG TY CP MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC



Tổng Giám đốc

ĐINH VĂN ANH TUẤN

Số: 13082020/BCSX-2020/CPA SAIGON - CTP

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public được lập ngày 13 tháng 08 năm 2020 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CHI NHÁNH SÀI GÒN

Giám đốc *W*



Phạm Thu Thảo

Giấy CNDKHN kiểm toán số:
3256-2018-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
	1	2	3	4	5
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.211.684.074	116.595.757.184
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		180.082.238	547.999.928
1	Tiền	111	V.1	180.082.238	547.999.928
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.338.518.244	63.230.711.000
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.787.200.000	
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8.751.318.244	8.765.711.000
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	36.800.000.000	54.465.000.000
IV	Hàng tồn kho	140		31.679.598.958	52.347.036.618
1	Hàng tồn kho	141	V.5	31.679.598.958	52.347.036.618
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		13.484.634	470.009.638
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	-	593.991
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.484.634	468.415.647
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		1.000.000	1.000.000
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		111.379.829.063	41.448.426.209
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		-	38.235.503.558
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	38.235.503.558
	- Nguyên giá	222		-	49.246.150.278
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-	(11.010.646.720)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		108.283.461.500	-
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	108.283.461.500	
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		3.096.367.563	3.212.922.651
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.096.367.563	3.212.922.651
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		198.591.513.137	158.044.183.393

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ					
STT	NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
	1	2	3	4	5
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		49.473.042.510	8.925.914.136
I	Nợ ngắn hạn	310		49.473.042.510	8.925.914.136
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	44.654.058.854	3.165.380.000
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	390.351.479	390.301.137
3	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	-	31.818.182
4	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	909.782.640
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	4.428.632.177	4.428.632.177
II	Nợ dài hạn	330		-	-
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		149.118.470.627	149.118.269.257
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	149.118.470.627	149.118.269.257
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.999.920.000	120.999.920.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.999.920.000	120.999.920.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		4.428.632.177	4.428.632.177
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.689.918.450	23.689.717.080
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.689.717.080	17.265.534.798
	- LNST chưa phân phối năm nay	421b		201.370	6.424.182.282
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		198.591.513.137	158.044.183.393

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2020

Phụ trách kế toán



DƯƠNG HOÀI LINH



Tổng Giám đốc



ĐINH VĂN ANH TUẤN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2020 đến 30/06/2020	01/01/2019 đến 30/06/2019
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	63.789.727.000	30.910.827.186
2 Các khoản giảm trừ	02	VI.1	-	28.220.000
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	63.789.727.000	30.882.607.186
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	62.944.034.529	31.343.039.315
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		845.692.471	(460.432.129)
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	432.804	63.901
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	-	2.980.039.370
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	155.813.954
8 Chi phí bán hàng	25	VI.5	283.800	8.041.015
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	303.510.453	856.918.645
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		542.331.022	(4.305.367.258)
11 Thu nhập khác	31	VI.7	280.000	-
12 Chi phí khác	32	VI.8	542.359.310	-
13 Lợi nhuận khác	40		(542.079.310)	-
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		251.712	(4.305.367.258)
15 Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		50.342	-
16 Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		201.370	(4.305.367.258)
18 Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	70	VI.9	0,02	(356)
19 Lãi suy giảm trên Cổ phiếu	71		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2020

Phụ trách kế toán



DƯƠNG HOÀI LINH



Tổng Giám đốc



ĐINH VĂN ANH TUẤN

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số: B03-DN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỪ NGÀY 01/01/2020 đến 30/06/2020	TỪ NGÀY 01/01/2019 đến 30/06/2019
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	251.712	(4.305.367.258)
2 Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.211.044.764	2.051.789.724
- Các khoản dự phòng	03	-	2.824.225.416
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	524.025.990	(63.901)
- Chi phí lãi vay	06	-	155.813.954
3 Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	1.735.322.466	726.397.935
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.348.123.769	20.270.445.003
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	20.667.437.660	(5.621.443.237)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	41.456.860.672	(9.168.695.984)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	117.149.079	169.085.568
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(140.891.976)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	72.324.893.646	6.234.897.309
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(108.283.461.500)	-
2 Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	36.500.000.000	-
3 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	432.804	63.901
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(71.783.028.696)	63.901
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ đi vay	33	-	3.169.500.000
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	(909.782.640)	(9.523.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(909.782.640)	(6.354.000.000)

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Tiếp theo)

Mẫu số: B03-DN
Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỪ NGÀY	TỪ NGÀY
		01/01/2020 đến 30/06/2020	01/01/2019 đến 30/06/2019
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(367.917.690)	(119.038.790)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	547.999.928	143.061.839
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	180.082.238	24.023.049

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2020

Phụ trách kế toán



DƯƠNG HOÀI LINH



Tổng Giám đốc



ĐINH VĂN ANH TUẤN

I. THÔNG TIN CÔNG TY

1. Khái quát chung:

Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public ("Công ty") là một Công ty Cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010 và thay đổi lần thứ 13 ngày 24 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 120.999.920.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 120.999.920.000 VND tương đương 12.099.992 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)

Công ty có trụ sở tại: Số 705 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh.

Chi tiết về vốn đầu tư chủ sở hữu	USD	VND
Tổng vốn đầu tư		120.999.920.000
Vốn góp đến thời điểm 30/6/2020		120.999.920.000

Tên chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	VND
Cổ đông	100%	120.999.920.000

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Cà phê Thương Phú	Km 19, thôn Cọp, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất buôn bán cà phê

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
- Bán buôn sản phẩm nông nghiệp

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

2. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty sử dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các nguyên tắc kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có năm hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có năm hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu năm sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.
- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm: Giá trị hàng tồn kho cuối năm = Giá trị hàng tồn đầu năm + Giá trị hàng nhập trong năm - Giá trị hàng xuất trong năm. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
Tài sản cố định vô hình	03 - 50 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm

- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
- Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được phân bổ tối đa không quá 3 năm.
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều năm kế toán.
- Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều năm kế toán.
- Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước (tiếp theo)

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn, doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và phân bổ tối đa không quá 3 năm
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn tới quan hệ công ty mẹ - công ty con có phát sinh lợi thế thương mại hoặc khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có phát sinh lợi thế kinh doanh.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm kế toán.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu năm sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.

Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay (tiếp theo)

- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.
- Chi phí đi vay được vốn hoá trong năm không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng năm không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm đó.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm;

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:

- + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
- + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngày vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ.
- Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong năm. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong năm.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm này nhỏ hơn số phải lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm này nhỏ hơn số phải lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.
- Hoàn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời điểm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	170.910.077	543.760.077
Tiền gửi ngân hàng (*)	9.172.161	4.239.851
Cộng	<u>180.082.238</u>	<u>547.999.928</u>

(*) Chi tiết

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền VND tại Viettinbank CN Hoàng Mai	1.029.461	1.433.621
Tiền VND tại VP Bank CN Đông Đô	3.566	3.566
Tiền VND tại Agribank CN Lao Bảo	1.107.145	1.107.145
Tiền VND tại Vietcombank STK 1012519066	5.336.470	-
Tiền USD tại BIDV Thanh Trì	1.693.023	1.693.023
Tiền USD tại MSB	2.496	2.496
Cộng	<u>9.172.161</u>	<u>4.239.851</u>

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đầu Tư Vạn Phát Tiến	2.657.224.800	-
Công ty CP TM XD Và Đầu Tư Thiên Trường Phú	2.358.715.200	-
Công ty TNHH Cơ Phát Tiến	2.471.268.000	-
Công ty CP Thương Mại Kiến Đức	2.299.992.000	-
Cộng	<u>9.787.200.000</u>	<u>-</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hoàng Văn Dũng	2.020.545.000	2.020.545.000
Lư Văn Bưu	2.391.400.000	2.391.400.000
Lò Văn Thương	2.116.434.000	2.116.434.000
Trần Thanh Phong	2.114.832.000	2.114.832.000
Các đối tượng khác	108.107.244	122.500.000
Cộng	8.751.318.244	8.765.711.000

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho mượn tiền	36.800.000.000	-
<i>Đinh Văn Anh Tuấn</i>	9.300.000.000	-
<i>Lê Minh Tuấn</i>	10.000.000.000	-
<i>Phạm Mai Anh Tài</i>	8.000.000.000	-
<i>Võ Trần Thanh Phương</i>	9.500.000.000	-
Tạm ứng	-	17.000.000.000
Phải thu khác	-	37.465.000.000
<i>Nguyễn Hữu Ái</i>	-	29.965.000.000
<i>Nguyễn Đình Tuấn</i>	-	7.500.000.000
Cộng	36.800.000.000	54.465.000.000

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	-	-	48.587.011.018	-
Hàng hóa	31.679.598.958	-	3.760.025.600	-
Cộng	31.679.598.958	-	52.347.036.618	-

6. Tài sản cố định (Xem phụ lục 01)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi tiền mua đất	108.283.461.500	-
Cộng	108.283.461.500	-

Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như sau:

- Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 438, tờ bản đồ số C2, ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
- Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 271 + 272, tờ bản đồ số C2, ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
- Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 437, tờ bản đồ số C2, ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
- Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 436, tờ bản đồ số C2, ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
- Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 439, tờ bản đồ số C2, ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
- Thanh toán vào tài khoản : Phan Tấn Lập 1261978 - ACB CN Tiền Giang/ 070066629005-SCB PGD Cái Bè/ 0671004058886 - VCB PGD Cai Lậy.

8. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	593.991
Số còn phải phân bổ cuối kỳ	-	593.991

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất	3.052.747.020	3.095.760.285
Chi phí công cụ, dụng cụ	42.359.949	37.603.326
Chi phí sửa chữa nhà máy	1.260.594	79.559.040
Số còn phải phân bổ cuối kỳ	3.096.367.563	3.212.922.651

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hồ Văn Kiện	533.000.000	533.000.000
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Hoa Thép	8.413.921.753	-
Công ty TNHH TM Đầu Tư Lâm Gia Phát	10.740.702.511	-
Công ty CP Thực phẩm Sạch NesViet	9.270.000.000	2.630.880.000
Công ty TNHH SX TM Và Dịch Vụ Phạm Hùng	2.578.062.960	-
Các đối tượng khác	3.500.000	1.500.000
Công ty TNHH TM Xây Dựng Việt Nam	13.114.871.630	-
Cộng	44.654.058.854	3.165.380.000

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số đầu năm
Thuế TNDN	390.351.479	50.342	-	390.301.137
Cộng	390.351.479	50.342	-	390.301.137

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước một số chi phí SXKD	-	31.818.182
Cộng	-	31.818.182

12. Vay và nợ thuê tài chính (xem phụ lục 2)

13. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.428.632.177	4.428.632.177
Cộng	4.428.632.177	4.428.632.177

14. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu (xem phụ lục 3)

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.099.992	12.099.992
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.099.992	12.099.992
- Cổ phiếu phổ thông	12.099.992	12.099.992
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.099.992	12.099.992
- Cổ phiếu phổ thông	12.099.992	12.099.992
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	63.789.727.000	30.910.827.186
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	28.220.000
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	28.220.000
Doanh thu thuần	63.789.727.000	30.882.607.186

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	61.616.434.677	30.290.090.337
Các khoản chi phí ngừng sản xuất theo mùa vụ	1.327.599.852	1.052.948.978
Cộng	62.944.034.529	31.343.039.315

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	432.804	63.901
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-
Cộng	432.804	63.901

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	-	155.813.954
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	-	2.824.225.416
Cộng	-	2.980.039.370

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	283.800	-
Các chi phí khác	-	8.041.015
Cộng	283.800	8.041.015

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	-	282.488.571
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	235.200.000
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.488.453	266.593.710
Chi phí khác	22.000	68.636.364
Cộng	303.510.453	856.918.645

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Xử lý công nợ	280.000	-
Cộng	280.000	-

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chênh lệch thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	524.458.794	-
Tiền phạt lãi vay	17.298.575	-
Xử lý số dư tồn kho	601.941	-
Cộng	542.359.310	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	201.370	(4.305.367.258)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	201.370	(4.305.367.258)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.099.992	12.099.992
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0,02	(356)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	10.093.571.800
Chi phí nhân công	-	495.488.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.211.044.764	2.051.789.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.501.721	268.701.470
Chi phí khác	76.847.620	131.690.647
Cộng	1.631.394.105	13.041.242.212

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập Ban lãnh đạo	-	54.000.000
Cộng	-	54.000.000

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trị giá cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tại 30/06/2020		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	180.082.238	180.082.238
- Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	55.338.518.244	55.338.518.244
- Đầu tư dài hạn	-	-
	55.518.600.482	55.518.600.482
Tại 01/01/2020		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	547.999.928	547.999.928
- Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	54.465.000.000	54.465.000.000
- Đầu tư dài hạn	-	-
	55.012.999.928	55.012.999.928

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2020			
Phải trả người bán	44.654.058.854	-	44.654.058.854
Các khoản phải trả khác	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
	44.654.058.854	-	44.654.058.854
Tại 01/01/2020			
Phải trả người bán	3.165.380.000	-	3.165.380.000
Các khoản phải trả khác	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	909.782.640	-	909.782.640
	4.075.162.640	-	4.075.162.640

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

4. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2020

Phụ trách kế toán



DƯƠNG HOÀI LINH



Tổng Giám đốc

ĐINH VĂN ANH TUẤN

Phụ lục 01: Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình		Đơn vị tính: VNĐ		
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị tài, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	36.098.259.369	11.955.890.909	215.454.545	49.246.150.278
Số tăng trong kỳ	890.000.000	86.545.455	-	976.545.455
- <i>Phân loại lại (*)</i>	890.000.000	86.545.455	-	976.545.455
Số giảm trong kỳ	36.988.259.369	12.042.436.364	215.454.545	50.222.695.733
- <i>Phân loại lại (*)</i>				
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	36.988.259.369	12.042.436.364	215.454.545	49.246.150.278
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	6.071.285.473	4.455.657.606	49.375.009	11.010.646.720
Số tăng trong kỳ	759.238.388	405.223.044	8.977.272	1.211.044.764
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	759.238.388	405.223.044	8.977.272	1.211.044.764
Số giảm trong kỳ	6.830.523.861	4.860.880.650	58.352.281	12.221.691.484
- <i>Chuyển sang BĐS đầu tư</i>				
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	6.830.523.861	4.860.880.650	58.352.281	12.221.691.484
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	30.026.973.896	7.500.233.303	166.079.536	38.235.503.558
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-

Phụ lục 02: Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VNĐ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngân hàng	-	-	-	909.782.640	909.782.640	909.782.640	
Ngân hàng Maritime bank CN Sở giao dịch	-	-	-	909.782.640	909.782.640	909.782.640	
Cộng	-	-	-	909.782.640	909.782.640	909.782.640	

CÔNG TY CP MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Số 705 Nguyễn Duy Trinh, P. Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Tổng cộng	Đơn vị tính: VNĐ
1. Số dư đầu năm trước	120.999.920.000	17.265.534.798	4.428.632.177	142.694.086.975	
- Lãi trong năm trước	-	6.424.182.282		6.424.182.282	
2. Số dư cuối năm trước	120.999.920.000	23.689.717.080	4.428.632.177	149.118.269.257	
3. Số dư đầu năm nay	120.999.920.000	23.689.717.080	4.428.632.177	149.118.269.257	
- Lãi trong năm nay	-	201.370	-	201.370	
4. Số dư cuối kỳ này	120.999.920.000	23.689.918.450	4.428.632.177	149.118.470.627	

CPA - SaiGon

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN. SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Đoàn Giỏi, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.62 655 120 Hotline: 0966 981 027 MST: 0100832241-011
Email: kiemtoansaigon.cn@gmail.com